

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **07/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 31 – 5 – 2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa bà Hồ Thị D và ông Lê Đình N”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Du

2. Ông Điều Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXX - ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST – HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Hồ Thị D, sinh năm 1993. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: Ông Lê Đình N, sinh năm: 1990. Vắng mặt.

HKTT: Thôn A, xã S, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

Tạm trú: Khu phố 9, phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà D trình bày:

Bà D và ông N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 21/3/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông N không chí thú làm ăn lại đam mê cờ bạc nên gây cảnh nợ nần từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có khi dẫn đến xô xát. Dù bà D nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông N không chịu sửa đổi nên

mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, dần dà không còn sự tôn trọng lẫn nhau. Nay bà D thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà D làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà D được ly hôn với ông N.

Quá trình chung sống, bà D và ông N có hai người con chung tên Lê Anh T sinh ngày 27/9/2013, Lê Minh N sinh ngày 18/4/2017. Bà D yêu cầu giải quyết cho bà được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Đình N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do nên không có ý kiến trình bày của ông N.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 53, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Hồ Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn Lê Đình N, đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 21/3/2013. Do vậy, hôn nhân giữa bà D và ông N là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng; cũng như tài liệu do Tòa án thu thập là biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi đương sự cư trú, xét thấy tuy không xác định được nguyên nhân và tình trạng mâu thuẫn giữa bà D và ông N nhưng trên thực tế vợ chồng đã không tôn trọng lẫn nhau, bản thân ông N biết việc bà D xin

ly hôn và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có bất cứ động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của nguyên đơn, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, bà D trình bày bà làm công nhân phân loại điều, công việc và thu nhập ổn định; ông N chạy ba gác và làm tự do. Các cháu T, N đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Nên, cần chấp nhận yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con của bà D; giao các con chung Lê Anh T sinh ngày 27/9/2013, Lê Minh N sinh ngày 18/4/2017 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị đơn ông N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, bà Hồ Thị D được ly hôn với ông Lê Đình N.

2. Về con chung:

Giao con chung Lê Anh T sinh ngày 27/9/2013, Lê Minh N sinh ngày 18/4/2017 cho bà Hồ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu T, N đủ 18 tuổi.

Ông Lê Đình N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp

nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí:

Bà D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà D đã nộp theo Biên lai thu số 0003xxx ngày 29/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Phần án phí bà D đã thi hành xong.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án 31/5/2024.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- UBND xã S, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá
(số 43, ngày 21/3/2013)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

